TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **229**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thiết
Ông Hà Quang Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang **tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12/5/2022 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn 1 X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn 1 X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(*Nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn N đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/8/2013 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại thôn 1 X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có sự bàn bạc trong làm ăn, phát triển

kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Văn N đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N để giải phóng cho cả hai người đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn N có 02 con chung là cháu Hoàng Khánh D, sinh ngày 13/9/2013 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 25/11/2015. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Khánh D đến tuổi trưởng thành và giao cháu Hoàng Gia B cho anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Hoàng Văn N phải cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Khánh D cùng chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022, bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/8/2013 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh tại thôn 1 X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Nhưng từ năm 2017 khi chị T đi làm công nhân của Công ty Sam Sung tại tỉnh Thái Nguyên thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh không nhất trí mà đề nghị chị T quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không muốn vợ chồng ly hôn để các con anh có đầy đủ bố mẹ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Hoàng Thị T có 02 con chung là cháu Hoàng Khánh D, sinh ngày 13/9/2013 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 25/11/2015. Nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/con/tháng. Tổng mức cấp dưỡng là 4.000.000đ/tháng/02 con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 15/8/2022, bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày ý kiến xác định tình cảm vợ chồng với chị Hoàng Thị T đã hết nên nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia B và giao cháu Hoàng Khánh D cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài

sản, đất đai, vay nợ chung anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Khánh D, sinh ngày 13/9/2013 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 25/11/2015 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí với lý do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho nguyên đơn. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn N, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn N có hộ khẩu

thường trú và sinh sống tại thôn 1 X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N kết hôn với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/8/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Hoàng Văn N tại thôn 1 X, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2017 khi chị Hoàng Thị T đi làm công nhân công ty Sam Sung tại tỉnh Thái Nguyên thì vợ chồng dần nảy sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Cả chị T và anh N đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Hoàng Khánh D, sinh ngày 13/9/2013 và cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 25/11/2015. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Khánh D và giao cháu Hoàng Gia B cho anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn N cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia B và giao cháu Hoàng Khánh D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, cháu Hoàng Khánh D cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Hoàng Khánh D cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Gia B cho anh Hoàng Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, đất đai, vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí với lý do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế

- xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho nguyên đơn. Bị đơn anh Hoàng Văn N không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Khánh D, sinh ngày 13/9/2013 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 25/11/2015 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn N không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị đơn anh Hoàng Văn N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn N được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Y (Giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 20/8/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San